

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2023/DS-PT

Ngày 22/12/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Bà Trần Thị Thanh Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***
Ông Lê Anh Pha - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2023/TLPT-DS ngày 26/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 204/2023/QĐ-PT ngày 30/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 242/QĐ-PT ngày 12/12/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Th (V) - Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm XLN pháp lý (theo văn bản ủy quyền số 25/2022/UQ-CTHĐQT ngày 07/7/2020). Ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại cho ông Dương Đình Dự, ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần Đình Lu, ông Nguyễn Bá Tì, ông Lê Đăng Hù và ông Lê Anh Tu - Cùng địa chỉ: Tầng 4, 112 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo văn bản ủy quyền số 317/2023/UQ-VPB ngày 02/03/2023). (Ông Lu có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H - Sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Ho - sinh năm 1982 - Cùng địa chỉ: Số 26 đường M, tổ 65 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th (V), là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* *Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện Nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho ký kết với ngân hàng Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021; Số tiền vay: 3.250.000.000 đồng. Thời hạn vay: 300 tháng. Các kỳ hạn trả nợ: Gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 15 của tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay bù đắp tiền mua bất động sản. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay thỏa thuận tại hợp đồng. Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H và bà Ho toàn bộ số tiền 3.250.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân ngày 14/7/2021.

Đồng thời ngày 04/10/2021 ông Nguyễn Thanh H có ký Hợp đồng cho vay tín chấp không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021. Số tiền vay: 250.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Các kỳ hạn trả nợ: Trả theo phương thức niên kim đều. Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số B2.1-13, tờ bản đồ số KT02/02 tại địa chỉ: KĐT Nam Cầu Trần Thị Lý, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho (theo Giấy chứng nhận số BA615506 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/6/2010) và tài sản gắn liền trên đất là nhà có kết cấu 2,5 tầng; tường xây, mái tôn, sàn đúc, nền gạch men, với diện tích xây dựng khoảng 67m², tổng diện tích sử dụng khoảng 167m². Việc thế chấp đất được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2107063967396 ký ngày 13/7/2021 tại Văn phòng công chứng P đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Nay ngân hàng đề nghị buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các hợp đồng vay nêu trên tạm tính đến ngày 15/9/2023, gồm:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021 còn nợ: Gốc 3.250.000.000 đồng, Lãi là 923.919.669 đồng (Trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 14/7/2021 đến 14/01/2022 là 53.431.655 đồng, lãi quá hạn từ ngày 15/01/2022 đến 15/9/2023 là 870.488.014 đồng). Tổng cộng: 4.173.919.669 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay tín chấp không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 nợ gốc còn 244.217.315 đồng. Lãi 117.188.403 đồng (Trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 08/10/2021 đến 04/01/2022 là: 8.200.226 đồng, lãi quá hạn từ ngày 05/01/2022 đến 15/9/2023 là 108.988.176 đồng). Tổng 02 khoản nợ là: 4.533.325.387 đồng.

- Kể từ ngày 16/9/2023 yêu cầu ông H bà Ho còn pH tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho VPBank.

Yêu cầu tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số B2.1-13, tờ bản đồ số KT02/02 tại địa chỉ: KĐT Nam Cầu Trần Thị Lý, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho (theo Giấy chứng nhận số BA615506 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/6/2010) và tài sản gắn liền trên đất là nhà có kết cấu 2,5 tầng; tường xây, mái tôn, sàn đúc, nền gạch men, với diện tích xây dựng khoảng 67m², tổng diện tích sử dụng khoảng 167m² được phát mãi thu hồi nợ cho 02 khoản vay nêu trên theo quy định pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Thừa nhận có ký kết các hợp đồng vay 02 khoản vay như ngân hàng đã trình bày là đúng, sau khi giải ngân thực hiện hợp đồng chúng tôi đã thanh toán được một phần gốc và lãi cho ngân hàng. Khi vay có thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số B2.1-13, tờ bản đồ số KT02/02 tại địa chỉ: KĐT Nam Cầu Trần Thị Lý, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho (theo Giấy chứng nhận số BA615506 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/6/2010) và tài sản gắn liền trên đất là nhà có kết cấu 2,5 tầng; tường

xây, mái tôn, sàn đúc, nền gạch men, với diện tích xây dựng khoảng 67m², tổng diện tích sử dụng khoảng 167m² đối với Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021. Sau khi vay do dịch bệnh nên gặp khó khăn trong làm ăn nên chậm trả lãi, gốc. Nay ngân hàng kiện gồm:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021 còn nợ: Gốc 3.250.000.000 đồng, Lãi là 923.919.669 đồng (Trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 14/7/2021 đến 14/01/2022 là 53.431.655 đồng, lãi quá hạn từ ngày 15/01/2022 đến 15/9/2023 là 870.488.014 đồng). Tổng cộng: 4.173.919.669 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay tín chấp không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 nợ gốc còn 244.217.315 đồng. Lãi 117.188.403 đồng (Trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 08/10/2021 đến 04/01/2022 là: 8.200.226 đồng, lãi quá hạn từ ngày 05/01/2022 đến 15/9/2023 là 108.988.176 đồng). Tổng 02 khoản nợ 4.533.325.387 đồng. Các khoản nợ này tôi chấp nhận và xin cho thời gian bán nhà trả nợ.

Trường hợp vi phạm cam kết thì tài sản thế chấp nêu trên của tôi được phát mãi thu hồi nợ cho khoản vay có liên quan đến tôi.

** Bà Nguyễn Thị Ho vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại hồ sơ:*

Vợ chồng bà có vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Th 01 khế ước vay gồm Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021: Gốc 3.250.000.000 đồng vợ chồng cùng ký. Còn Hợp đồng cho vay mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 (hợp đồng này do mở thẻ nên một mình ông H đứng tên tự vay bà không biết) đây là các khoản nợ riêng của ông H, ông H PH chịu trách nhiệm trả nợ bà không chấp nhận khoản nợ này.

Khi vay đối với Hợp đồng tín dụng số LN 2107063967396 ngày 14/7/2021 ông bà có thể chấp tài sản nhà đất như ông H đã trình bày là đúng. Nay ngân hàng yêu cầu các khoản nợ gồm:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021: Gốc 3.250.000.000 đồng. Lãi như ngân hàng trình bày bà đồng ý cùng chịu trách nhiệm thanh toán số nợ của hợp đồng này, bà thống nhất thanh toán như ông H đề xuất không có ý kiến nào khác. Nếu vợ chồng bà không thực hiện thì tài sản đã thế chấp ngân hàng được thực hiện theo qui định pháp luật để phát mãi thu hồi nợ.

- Đối với Hợp đồng cho vay tín chấp không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 ông H trực tiếp

vay bà không biết, không có tài sản đảm bảo. Do đó khoản nợ tín chấp mở thẻ thuộc trách nhiệm ông H bà không chịu trách nhiệm.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468; Điều 299 và 303 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Th đối với ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho.

1. Xử:

1.1. Tuyên buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th đối với Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021, số tiền nợ gốc 3.250.000.000 đồng, lãi 923.919.669 đồng. Tổng cộng: 4.173.919.669 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2023 ông H bà Ho pH tiếp tục thanh toán lãi theo Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp ông H bà Ho vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận này thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số B2.1-13, tờ bản đồ số KT02/02 tại địa chỉ: KĐT Nam Cầu Trần Thị Lý, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho (theo Giấy chứng nhận số BA615506 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/6/2010) và tài sản gắn liền trên đất là nhà có kết cấu 2,5 tầng; tường xây, mái tôn, sàn đúc, nền gạch men, với diện tích xây dựng khoảng 67m², tổng diện tích sử dụng khoảng 167m² được phát mãi theo

qui định điều 299 và 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021.

1.2. Buộc ông Nguyễn Thanh H pH có trách nhiệm thanh toán Hợp đồng cho vay tín chấp không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 với số tiền gốc 244.217.315 đồng, lãi 117.188.403 đồng. Tổng cộng: 361.405.718 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2023 ông H pH tiếp tục thanh toán lãi theo hợp đồng này cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

1.3. Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Ho cùng có trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ vay tín chấp số tiền 361.405.718 đồng.

2/ Án phí DSST: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH chịu đối với hợp đồng vay số LN2107063967396 ngày 14/7/2021 là 112.173.920 đồng và ông Nguyễn Thanh H pH chịu án phí đối với hợp đồng tín chấp ngày 04/10/2021 là: 18.070.286 đồng

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng ông H và bà Ho pH chịu, ngân hàng đã ứng chi Tòa án thực hiện xong, buộc ông H bà Ho pH hoàn lại số tiền này cho ngân hàng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn là 56.072.000 đồng, theo biên lai thu số 0009608 ngày 14/4/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam Th có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng TMCP Việt Nam Th đề nghị xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng:

- Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 với số tiền gốc 244.217.315 đồng, lãi 117.188.403 đồng. Tổng cộng: 361.405.718 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2023 ông H và bà Ho pH tiếp tục thanh toán lãi theo hợp đồng này cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho không trả nợ hoặc trả nợ không đúng thì xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số B2.1-13, tờ bản đồ số KT02/02 tại địa chỉ: KĐT Nam Cầu Trần Thị Lý, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng TMCP Việt Nam Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th, giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bà Ho vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Việt Nam Th kháng cáo đề nghị ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH trả số tiền gốc 244.217.315 đồng, lãi 117.188.403 đồng. Tổng cộng: 361.405.718 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho

vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021; kể từ ngày 16/9/2023 ông H và bà Ho pH tiếp tục thanh toán lãi theo hợp đồng này cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này; trong trường hợp ông H và bà Ho không trả nợ hoặc trả nợ không đúng thì xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án. Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th thì thấy:

[2] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH trả số tiền gốc 244.217.315 đồng, lãi 117.188.403 đồng, tổng cộng: 361.405.718 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021:

Ngày 04/10/2021 ông Nguyễn Thanh H và Ngân hàng TMCP Việt Nam Th có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử với thỏa thuận ông H vay số tiền 250.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Các kỳ hạn trả nợ: Trả theo phương thức niên kim đều. Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Đại diện Ngân hàng cho rằng tuy chỉ mình ông H ký kết hợp đồng nhưng trong thời kỳ hôn nhân với bà Ho, mục đích vay vốn để mua đồ gia dụng, còn ông H và bà Ho không thừa nhận mà cùng xác định số tiền này chỉ riêng ông H vay chứ bà Ho không hề biết, ông H cũng không mua sắm vật dụng cho gia đình, mặt khác Ngân hàng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Ho cùng nhận khoản tiền vay này với ông H và số tiền vay về sử dụng chung vào chi tiêu cho gia đình, hơn nữa sau khi vay tiền theo đề nghị của ông H sẽ chuyển vào tài khoản của người khác. Do vậy lời trình bày của đại diện Ngân hàng là không phù hợp, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H pH trả số tiền gốc và lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 là có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho không trả nợ hoặc trả nợ không đúng:

Theo đại diện Ngân hàng thì tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp ngày 13/7/2021 có thỏa thuận: *“Tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 của hợp đồng này đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ ... trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này”*, Từ đó đại diện Ngân hàng cho rằng Hợp đồng thế chấp cũng đảm bảo cho khoản vay của ông H theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo,

mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021. Tuy nhiên như tên gọi đã thể hiện là “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo”, mặt khác tại khoản 4 Điều 2 của Hợp đồng thể chấp thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền cao nhất là 3.250.0000.000 đồng mà tại Hợp đồng cho vay ngày 14/7/2021 Ngân hàng đã cho ông H và bà Ho vay số tiền 3.250.000.000 đồng. Do vậy yêu cầu xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông H và bà Ho không trả nợ hoặc trả nợ không đúng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 là không có cơ sở.

Do vậy Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thanh H pH trả số tiền gốc 244.217.315 đồng, lãi 117.188.403 đồng. Tổng cộng: 361.405.718 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX thấy không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th và giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

Những nội dung khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th nên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH chịu đối với hợp đồng vay số LN2107063967396 ngày 14/7/2021 là 112.173.920 đồng và ông Nguyễn Thanh H pH chịu án phí đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 là 18.070.286 đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Th không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.072.000 đồng, theo biên lai thu số 0009608 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng TMCP Việt Nam Th pH chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH chịu, những Ngân hàng nộp tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Th đối với ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền nợ gốc 3.250.000.000 đồng và lãi 923.919.669 đồng, tổng cộng là 4.173.919.669 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021.

Kể từ ngày 16/9/2023 ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH tiếp tục thanh toán lãi theo Hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp ông H bà Ho vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận này thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số B2.1-13, tờ bản đồ số KT02/02 tại địa chỉ: KĐT Nam Cầu Trần Thị Lý, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn

Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho (theo Giấy chứng nhận số BA615506 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/6/2010) và tài sản gắn liền trên đất là nhà có kết cấu 2,5 tầng; tường xây, mái tôn, sàn đúc, nền gạch men, với diện tích xây dựng khoảng 67m², tổng diện tích sử dụng khoảng 167m² được phát mãi theo qui định điều 299 và 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho hợp đồng tín dụng số LN2107063967396 ngày 14/7/2021.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh H pH trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền gốc 244.217.315 đồng, lãi 117.188.403 đồng, tổng cộng: 361.405.718 đồng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021.

Kể từ ngày 16/9/2023 ông Nguyễn Thanh H pH tiếp tục thanh toán lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Ho cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền 361.405.718 đồng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH chịu đối với hợp đồng vay số LN2107063967396 ngày 14/7/2021 là 112.173.920 đồng và ông Nguyễn Thanh H pH chịu án phí đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2021 là: 18.070.286 đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Th không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.072.000 đồng, theo biên lai thu số 0009608 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th pH chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001570 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH chịu, nhưng Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ho pH trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền 3.000.000 đồng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Vũ Việt Dũng